

DỰ THẢO 2

LUẬT
TÀI NGUYÊN NƯỚC

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật tài nguyên nước.*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Luật này quy định về quản lý, **điều hoà, phân phối**, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; **sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác** thuộc lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nước dưới đất thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Tài nguyên nước bao gồm** nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. **Nguồn nước** là các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác, sử dụng bao gồm sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác.

3. **Nước mặt** là nước tồn tại trên mặt đất liền hoặc hải đảo.

4. **Nước dưới đất** là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới đất.

5. **Nguồn nước liên tỉnh** là nguồn nước phân bố trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

6. *Nguồn nước nội tỉnh* là nguồn nước phân bố trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

7. *Nguồn nước liên quốc gia* là nguồn nước chảy từ lãnh thổ Việt Nam sang lãnh thổ nước khác hoặc từ lãnh thổ nước khác vào lãnh thổ Việt Nam hoặc nguồn nước nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và quốc gia láng giềng.

8. *Lưu vực sông* là vùng đất mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất chảy tự nhiên vào sông và thoát ra một cửa chung hoặc thoát ra biển.

9. *Lưu vực sông liên tỉnh* là lưu vực sông nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

10. *Lưu vực sông nội tỉnh* là lưu vực sông nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

11. *Nguồn nước sinh hoạt là nguồn nước có chức năng cấp nước cho mục đích sinh hoạt hoặc có thể cấp cho mục đích sinh hoạt.*

12. *Ô nhiễm nguồn nước* là sự biến đổi tính chất vật lý, tính chất hóa học và thành phần sinh học của nước không phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.

13. *Suy thoái nguồn nước* là sự suy giảm về số lượng, chất lượng nguồn nước so với trạng thái tự nhiên hoặc so với trạng thái của nguồn nước đã được quan trắc trong các thời kỳ trước đó.

14. *Cạn kiệt nguồn nước* là sự suy giảm nghiêm trọng về số lượng của nguồn nước, làm cho nguồn nước không còn khả năng đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng và duy trì hệ sinh thái thủy sinh.

15. *Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước* là khả năng nguồn nước có thể tiếp nhận thêm một lượng nước thải mà vẫn bảo đảm chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng.

16. *Dòng chảy tối thiểu* là dòng chảy ở mức thấp nhất cần thiết để duy trì dòng sông hoặc đoạn sông nhằm bảo đảm sự phát triển bình thường của hệ sinh thái thủy sinh và bảo đảm mức tối thiểu cho hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước của các đối tượng sử dụng nước.

17. *Ngưỡng khai thác nước dưới đất* là giới hạn cho phép khai thác nước dưới đất nhằm bảo đảm không gây xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước mặt và môi trường liên quan.

18. *Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt* là vùng phụ cận khu vực lấy nước từ nguồn nước được quy định phải bảo vệ để phòng, chống ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

19. *Chức năng của nguồn nước* là những mục đích sử dụng nước nhất định dựa trên các giá trị lợi ích của nguồn nước.

20. Hành lang bảo vệ nguồn nước là phần đất giới hạn dọc theo nguồn nước hoặc bao quanh nguồn nước.

21. An ninh nguồn nước là khả năng bảo đảm của nguồn nước về số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường.

22. Khai thác, sử dụng nước là hoạt động khai thác các tiềm năng, giá trị của nguồn nước để phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên thông qua công trình lấy nước, trữ nước, chuyển nước, dẫn nước, tiếp nước, tạo nguồn, sử dụng mặt nước.

23. Vận hành hồ chứa theo thời gian thực là quá trình ra quyết định vận hành điều tiết hồ chứa liên tục, tức thời trên cơ sở tuân thủ quy định của quy trình vận hành hồ chứa và cập nhật thông tin số liệu khí tượng thuỷ văn hồ theo thời gian thực.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

1. Việc quản lý tài nguyên nước phải bảo đảm thống nhất theo lưu vực sông, theo nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa bàn hành chính, **hướng tới quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số, giảm thiểu chi phí, nguồn nhân lực trong công tác quản lý tài nguyên nước.**

2. Tài nguyên nước phải được quản lý tổng hợp, thống nhất về số lượng và chất lượng nước; giữa nước mặt và nước dưới đất; nước trên đất liền và nước vùng cửa sông, nội thủy, lãnh hải; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

3. Việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải tuân theo chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

4. Bảo vệ tài nguyên nước là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân và phải lấy phòng ngừa là chính, gắn với việc bảo vệ, phát triển rừng, khả năng tái tạo tài nguyên nước, kết hợp với bảo vệ chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh, khắc phục, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước **có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu.**

5. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả; bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các tổ chức, cá nhân.

6. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải có kế hoạch và biện pháp chủ động; bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của cả nước, các

vùng, ngành; kết hợp giữa khoa học, công nghệ hiện đại với kinh nghiệm truyền thống của nhân dân và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

7. Các dự án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải góp phần phát triển kinh tế - xã hội và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư, quốc phòng, an ninh, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và môi trường.

8. Các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phải gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư.

9. Bảo đảm chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia, công bằng, hợp lý trong bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ***có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu*** đối với các nguồn nước liên quốc gia.

10. Giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước phải được thực hiện trên cơ sở kết hợp đồng bộ, hài hoà các giải pháp công trình và phi công trình trong việc bảo vệ, phát triển nguồn sinh thủy; khai thác, sử dụng nước; bảo vệ, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các tác động của nguồn nước liên quốc gia, phòng, chống thiên tai, thảm họa, hạn hán liên quan đến nước.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước

1. Bảo đảm tài nguyên nước được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Đầu tư và tổ chức thực hiện điều tra cơ bản, quy hoạch tài nguyên nước; xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, nâng cao khả năng dự báo tài nguyên nước, ô nhiễm nguồn nước, lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra; hỗ trợ phát triển nguồn nước và phát triển cơ sở hạ tầng về tài nguyên nước.

3. Ưu tiên đầu tư tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước, có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư khai thác nước để giải quyết nước sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước ngọt.

4. Đầu tư và có cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phát triển các nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để tái sử dụng, xử lý nước mặn, nước lợ thành nước ngọt, thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, phòng, chống và khắc phục hậu

quả tác hại do nước gây ra.

5. Có cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động: phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác; xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước; xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân bổ nguồn nước; xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất; truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước.

6. Đa dạng hoá các nguồn lực để thu hút đầu tư cho bảo vệ, phát triển, cải tạo, phục hồi nguồn nước, các công trình trữ nước. Ưu tiên ngân sách cho các hoạt động điều tra cơ bản, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở những vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước ngọt.

7. Ưu đãi, hỗ trợ, bảo đảm quyền, lợi ích cho tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động từ nguồn vốn xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, các công trình trữ nước.

Điều 6. Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; giám sát việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 7. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các hoạt động sau đây:

a) Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình và gửi kèm theo hồ sơ của dự án khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc đầu tư;

b) Công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện;

c) Kinh phí thực hiện hoạt động quy định tại khoản này do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả.

2. Trường hợp dự án đầu tư có chuyển nước thì ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân đầu tư dự án còn phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân, tổ chức lưu vực sông về quy mô, phương án chuyển nước trước khi lập dự án đầu tư. Việc lấy ý kiến được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có liên quan đối với dự án có chuyển nước trong phạm vi lưu vực sông nội tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có liên quan và tổ chức lưu vực sông đối với dự án có chuyển nước không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên sông thuộc lưu vực sông liên tỉnh mà không có chuyển nước thì ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này, trước khi lập dự án đầu tư, tổ chức, cá nhân đầu tư dự án còn có trách nhiệm:

a) Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan và tổ chức lưu vực sông về quy mô, phương án đề xuất xây dựng công trình trên dòng chính;

b) Thông báo trước với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan và tổ chức lưu vực sông về quy mô, phương án đề xuất xây dựng công trình trên dòng nhánh.

4. Chính phủ quy định cụ thể việc lấy ý kiến và việc công khai thông tin quy định tại Điều này.

Điều 8. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước

1. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước là căn cứ để thực hiện các nội dung quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông, nguồn nước.

2. Danh mục lưu vực sông bao gồm:

a) Lưu vực sông liên tỉnh;

b) Lưu vực sông nội tỉnh.

3. Danh mục nguồn nước bao gồm:

a) Nguồn nước liên tỉnh;

- b) Nguồn nước nội tỉnh;
- c) Nguồn nước liên quốc gia.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập danh mục lưu vực sông liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; lập, ban hành danh mục lưu vực sông nội tỉnh, danh mục nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn.

Điều 9. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

1. Hệ thống thông tin về tài nguyên nước

a) Hệ thống thông tin tài nguyên nước được xây dựng, vận hành để hỗ trợ ra quyết định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên nước;

b) Hệ thống thông tin tài nguyên nước bảo đảm để cho tổ chức, cá nhân được truy cập, sử dụng dữ liệu và cập nhật thông tin vào hệ thống theo quy định của pháp luật; đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu giữa các Bộ, ngành, địa phương tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số và phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Hệ thống thông tin tài nguyên nước gồm hệ thống của Trung ương và địa phương. Hệ thống thông tin tài nguyên nước Trung ương được tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; hệ thống thông tin tài nguyên nước của địa phương được tích hợp vào trong hệ thống thông tin của địa phương;

Thành phần cơ bản của hệ thống thông tin tài nguyên nước gồm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; phần mềm xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước bao gồm cơ sở dữ liệu về:

- a) Văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;*
- b) Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước;*
- c) Kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước;*
- d) Quan trắc tài nguyên nước;*
- đ) Cấp phép tài nguyên nước;*
- e) Khai thác, sử dụng nước của các tổ chức, cá nhân;*
- g) Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thủy lợi; quan trắc khí tượng thủy văn của các chủ công trình là hồ chứa theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.*

h) Hoạt động nghiên cứu khoa học về tài nguyên nước; các thông tin, số liệu tài nguyên nước khác có liên quan.

3. Việc đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin tài nguyên nước được sử dụng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định. Nhà nước ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực tham gia trong việc đầu tư xây dựng, và vận hành hệ thống, thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện cập nhập các thông tin, dữ liệu về điều tra cơ bản tài nguyên nước vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

5. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chuẩn dữ liệu; tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước Trung ương và việc khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước cho các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân theo quy định; kiểm tra, giám sát quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ quản lý và chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước cho các Bộ, ngành, địa phương theo quy định;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của địa phương; tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của địa phương quản lý và chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước cho các Bộ, ngành, địa phương theo quy định.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước

1. Các dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước gồm dịch vụ hành chính công về tài nguyên nước, dịch vụ cung cấp, khai thác thông tin về tài nguyên nước và dịch vụ công khác về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước được quy định như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước theo quy định của Chính phủ bảo đảm kết nối, liên thông, thuận tiện, đơn giản, an toàn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước;

b) Các hình thức xác nhận của nhà nước với quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân sử dụng tài nguyên nước được thực hiện trên hồ sơ sổ và xác thực điện tử. Các giao dịch về tài nguyên nước trên môi trường điện tử có tính pháp lý và được pháp luật bảo hộ;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, tổ chức, hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước, bảo đảm tính đồng bộ, kết nối, liên thông theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước và các hành vi khác gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

2. Xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước.

3. Xả khí thải độc hại trực tiếp vào nguồn nước; xả nước thải vào lòng đất thông qua các giếng khoan, giếng đào và các hình thức khác nhằm đưa nước thải vào trong lòng đất; gian lận trong việc xả nước thải.

4. **Lấp sông**, đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch.

5. Khai thác trái phép cát, sỏi trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và các hoạt động khác trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa.

6. Phá hoại công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

7. Cản trở hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

8. Thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trái phép.

9. Không tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

10. Xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch **về** tài nguyên nước, **quy hoạch tỉnh**.

CHƯƠNG II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC**Mục 1. ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC****Điều 12. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước**

1. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Việc lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, chiến lược tài nguyên nước;

b) Làm căn cứ cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.

2. Căn cứ lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm:

a) Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chiến lược tài nguyên nước;

b) Quy hoạch cao hơn;

c) Kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước kỳ trước.

3. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Xác định các yêu cầu về thông tin, số liệu về tài nguyên nước, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên cả nước;

b) Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện điều tra cơ bản hoặc kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước kỳ trước;

c) Xác định các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước theo quy định tại **Điều 13** của Luật này cần tiến hành đối với các lưu vực sông, các vùng, các nguồn nước được thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trong thời kỳ quy hoạch;

d) Xác định thứ tự ưu tiên các hoạt động điều tra cơ bản được xác định tại điểm c khoản này;

đ) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ thực hiện.

4. Kỳ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là 10 năm, tầm nhìn là 20 năm.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Căn cứ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài

nguyên nước của mình.

Điều 13. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các hoạt động sau đây:

- a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước;
- b) Kiểm kê tài nguyên nước;
- c) Xây dựng và duy trì hệ thống mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước;
- d) Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra;
- đ) Xây dựng báo cáo tài nguyên nước quốc gia;
- e) Báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Bộ, ngành, ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***.

2. Nội dung hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

- a) Lập bản đồ đặc trưng lưu vực sông, bản đồ đặc trưng các sông, suối, hồ, đầm, phá và các vùng biển; ***đo đạc khảo sát, lập mặt cắt sông, suối;***
- b) Lập bản đồ địa chất thủy văn cho các tầng, các cấu trúc chứa nước, phức hệ chứa nước;
- c) Đánh giá số lượng và chất lượng các nguồn nước; tìm kiếm nguồn nước dưới đất; ***đánh giá diễn biến dòng chảy, hiện trạng bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông;***
- d) Lập bản đồ tài nguyên nước, bản đồ phân vùng chất lượng nguồn nước; các bản đồ chuyên đề về tài nguyên nước;
- đ) Đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, nhiễm mặn nguồn nước mặt, nước dưới đất, ô nhiễm nước biển; phân loại nguồn nước theo mức độ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;
- e) Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước;
- g) Xác định khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;
- h) Xác định dòng chảy tối thiểu trong sông, ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước, các khu vực dự trữ nước, khu vực cần hạn chế khai thác nước ***dưới đất;***
- i) Đánh giá, cảnh báo, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên nước, diễn biến bất thường về số lượng, chất lượng các nguồn nước và các tác hại do nước gây ra;
- k) Xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

3. Định kỳ điều tra, quan trắc, đánh giá tài nguyên nước:

- a) Các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo định kỳ 05 năm một lần;*
- b) Các hoạt động điều tra điều tra cơ bản tài nguyên nước quy định tại điểm c, d, và e khoản 1 Điều này thực hiện theo định kỳ hằng năm;*
- c) Hoạt động điều tra đánh giá tài nguyên nước quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đột xuất phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước.*

Điều 14. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Điều tra cơ bản tài nguyên nước phải được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kinh phí điều tra cơ bản tài nguyên nước được bố trí *từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn xã hội hoá. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước.*

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước của cả nước;
- b) Tổng hợp kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, *cập nhật vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;*
- c) Lập, công bố báo cáo tài nguyên nước quốc gia định kỳ 5 năm một lần; báo cáo chuyên đề về tài nguyên nước hằng năm.

3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hiện trạng, kết quả điều tra cơ bản liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong hệ thống công trình thủy lợi và hệ thống cấp nước nông thôn, hằng năm tổng hợp, gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để cập nhật;

b) Bộ Xây dựng trên cơ sở hiện trạng, kết quả điều tra cơ bản liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong hệ thống cấp nước đô thị, hằng năm tổng hợp, gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để cập nhật;

c) Bộ Công Thương trên cơ sở hiện trạng, kết quả điều tra cơ bản liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong công nghiệp, thủy điện, hằng năm tổng hợp, gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để cập nhật.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

5. *Các tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản, khảo sát đo đạc tài nguyên nước phải cập nhật thông tin, kết quả điều tra vào hệ thống thông tin*

tài nguyên nước theo quy định.

6. Chính phủ quy định cụ thể việc điều tra cơ bản tài nguyên nước ***quy định tại khoản 1 Điều 13 và Điều này và lộ trình thực hiện điều tra cơ bản phù hợp với nguồn lực và yêu cầu về quản lý nhà nước đối với từng vùng, khu vực, lưu vực sông, tiểu lưu vực sông.***

Mục 2. CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 15. Chiến lược tài nguyên nước

1. Việc lập chiến lược tài nguyên nước phải bảo đảm các nguyên tắc và căn cứ sau đây:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quốc phòng, an ninh, quy hoạch vùng;

b) Đáp ứng nhu cầu về sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất, phát triển bền vững kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống có hiệu quả tác hại do nước gây ra; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước;

c) Nhu cầu sử dụng, khả năng đáp ứng của nguồn nước và khả năng hợp tác quốc tế; điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Kết quả điều tra cơ bản, dự báo tài nguyên nước, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với các nguồn nước.

2. Chiến lược tài nguyên nước có các nội dung chính sau đây:

a) Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Định hướng, nhiệm vụ và giải pháp tổng thể về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, các đề án, dự án ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn trong kỳ lập chiến lược.

3. Chiến lược tài nguyên nước được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 20 năm theo kỳ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập chiến lược tài nguyên nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 16. Quy hoạch về tài nguyên nước

1. Quy hoạch về tài nguyên nước ***bao gồm:***

a) Quy hoạch tài nguyên nước ***là quy hoạch ngành quốc gia;***

b) Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng và được lập cho thời kỳ 10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm;

c) Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, được lập khi có sự hợp tác giữa các quốc gia có chung nguồn nước và nội dung quy hoạch phải căn cứ vào ***thỏa thuận*** giữa các quốc gia có chung nguồn nước.

2. Đối tượng của quy hoạch ***về tài nguyên nước*** là nước mặt, nước dưới đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước tổ chức lập nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh và phải căn cứ vào quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

Điều 17. Nguyên tắc lập quy hoạch về tài nguyên nước

1. Việc lập quy hoạch tài nguyên nước, ***quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây:***

a) Bảo đảm tính toàn diện giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa khai thác, sử dụng tài nguyên nước với bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Bảo đảm phân bổ hài hòa lợi ích sử dụng nước giữa các địa phương, các ngành, giữa thượng lưu và hạ lưu;

c) Bảo đảm dựa trên kết quả của hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.

2. ***Quy hoạch về tài nguyên nước là một trong những cơ sở cho việc lập các quy hoạch ngành quốc gia có khai thác, sử dụng nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác có khai thác, sử dụng nước, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt.***

3. ***Việc lập quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia phải tuân thủ thỏa thuận giữa các quốc gia có chung nguồn nước và các nguyên tắc quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.***

4. ***Trường hợp nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong quy hoạch có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt mâu thuẫn với quy hoạch về tài nguyên nước đã được phê duyệt thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch về tài nguyên nước.***

5. ***Chính phủ quy định lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.***

Điều 18. Căn cứ lập quy hoạch về tài nguyên nước

1. Quy hoạch tài nguyên nước

Căn cứ lập Quy hoạch tài nguyên nước được thực hiện theo quy định

của pháp luật về quy hoạch và các căn cứ sau đây:

- a) Chiến lược tài nguyên nước *trong cùng giai đoạn phát triển;*
- b) *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong kỳ quy hoạch và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước.*

2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh

Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh nguồn nước liên tỉnh được lập căn cứ vào các quy định sau đây:

- a) Chiến lược tài nguyên nước, *quy hoạch tài nguyên nước;*
- b) Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và điều kiện cụ thể của từng lưu vực sông, từng vùng, tiềm năng thực tế của nguồn nước và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước;
- c) Nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành, địa phương và bảo vệ môi trường;
- d) Kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước;
- đ) Định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành;
- e) Quy định của điều ước quốc tế, *thỏa thuận quốc tế* mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên *ký kết hoặc gia nhập* trong trường hợp có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia.

Điều 19. Quy hoạch tài nguyên nước

1. Nội dung quy hoạch về tài nguyên nước; việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch về tài nguyên nước, thời kỳ quy hoạch về tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch về tài nguyên nước.

Điều 20. Nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) *Đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước;*
- b) *Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước;*
- c) *Đánh giá hiện trạng số lượng, chất lượng của nguồn nước; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước;*
- d) *Đánh giá hiện trạng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc*

phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

đ) Dự báo xu thế biến động tài nguyên nước, nhu cầu sử dụng nước trong kỳ quy hoạch;

e) Phân vùng chức năng của nguồn nước;

g) Ngưỡng khai thác của nguồn nước; lượng nước có thể khai thác của nguồn nước;

h) Các vấn đề về tài nguyên nước cần giải quyết trong kỳ quy hoạch;

i) Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch;

k) Định hướng điều hòa phân bổ, bảo vệ và phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của khoản 2 Điều này;

l) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch thực hiện và giám sát việc thực hiện công tác quy hoạch.

2. Nội dung chính quy định tại điểm k khoản 1 Điều này gồm:

a) Xác định tỷ lệ phân bổ lượng nước, thứ tự ưu tiên trong trường hợp hạn hán, thiếu nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt;

b) Xác định nhu cầu chuyển nước giữa các tiểu lưu vực trong lưu vực sông, nhu cầu chuyển nước với lưu vực sông khác;

c) Xác định các công trình điều tiết, **trữ nước**, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước;

d) Xác định các công trình, phi công trình bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt, giảm thiểu tác hại do nước gây ra;

đ) Xác định các vùng, tiểu lưu vực sông, nguồn nước phải lập kế hoạch chi tiết khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.

3. Nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các nội dung sau đây:

a) Đánh giá số lượng, chất lượng của nguồn nước trên địa bàn tỉnh; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Dự báo nhu cầu sử dụng nước trong kỳ quy hoạch;

c) Định hướng đầu tư xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Nhiệm vụ quy hoạch về tài nguyên nước

1. Nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Nhiệm vụ lập quy hoạch ***tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh*** bao gồm các nội dung ***chính*** sau đây:

a) Căn cứ lập quy hoạch;

b) Tổng quan về vùng lưu vực sông lập quy hoạch;

c) Xác định đối tượng, phạm vi, nội dung lập quy hoạch;

d) Xác định giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch;

đ) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch ***tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh*** có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 22. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh phải được lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh ***tự thực hiện hoặc*** có quyền thuê đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

4. Định mức, đơn giá, quy chuẩn kỹ thuật quy hoạch ***tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh*** theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chính phủ quy định việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

Điều 23. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh

1. Rà soát quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh được thực hiện như sau:

a) Quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức rà soát quy hoạch;

c) Kết quả rà soát quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

2. Quy hoạch **tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh** được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Có sự điều chỉnh về chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, chiến lược tài nguyên nước làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Quy hoạch đã được phê duyệt không tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật này;

c) Các dự án công trình trọng điểm quốc gia mới được hình thành làm ảnh hưởng lớn đến tài nguyên nước;

d) Có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến tài nguyên nước.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng và phải dựa trên kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt, những yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính kế thừa và chỉ điều chỉnh những nội dung thay đổi.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh quyết định việc điều chỉnh quy hoạch đã phê duyệt.

5. Việc lập, lấy ý kiến, thẩm định đối với việc điều chỉnh quy hoạch **tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh** được thực hiện như việc lập quy hoạch tài nguyên nước.

Điều 24. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh

1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố quy hoạch, đăng tải thường xuyên, liên tục quy hoạch trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời thông báo đến Bộ, ngành, địa phương liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của địa phương. Các hoạt động công bố thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức lưu vực sông có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh; kiến nghị giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

5. Các thông tin dữ liệu, các bộ công cụ để phục vụ xây dựng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh phải được quản lý trên nền tảng công nghệ số, được cập nhật thường xuyên, liên tục để hỗ trợ quá trình ra quyết định việc điều hoà, phân bổ tài nguyên nước trên các lưu vực sông và phải được kết nối vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

6. Đối với các quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh có nội dung liên quan về khai thác, sử dụng nước hoặc bố trí, bổ sung, điều chỉnh công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước do các Bộ, ngành lập phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền thẩm định về khai thác, sử dụng nước và việc bố trí, bổ sung, điều chỉnh công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Chính phủ trước khi phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 25. Chức năng nguồn nước

1. Chức năng nguồn nước và việc phân vùng chức năng nguồn nước được xác định trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, quy hoạch tỉnh làm cơ sở để thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ nguồn nước. Trường hợp nguồn nước chưa được xác định chức năng thì căn cứ vào hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng nước và khả năng đáp ứng của nguồn nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định chức năng và phân vùng chức năng đối với nguồn nước liên tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định chức năng và phân vùng chức năng đối với nguồn nước nội tỉnh.

2. Vùng chức năng nguồn nước có thể bao gồm nhiều mục đích sử dụng. Việc quản lý, bảo vệ nguồn nước phải ưu tiên mục đích sử dụng ứng với yêu cầu bảo vệ chất lượng nước cao nhất.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước không được làm ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước.

Điều 26. Hành lang bảo vệ nguồn nước

1. Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để thực hiện các chức năng sau đây:

a) Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước;

b) Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;

c) Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước;

d) Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.

2. Nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ bao gồm:

a) Hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các hồ chứa nước khác;

b) Hồ tự nhiên, nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung; hồ, ao lớn có chức năng điều hòa ở các khu vực khác; đầm, phá tự nhiên;

c) Sông, suối, kênh, rạch, ***hồ, ao*** là nguồn cấp nước, trực tiêu nước, hoặc có tầm quan trọng đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường;

d) Các nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa và bảo vệ, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải bảo đảm không ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước.

4. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa quy định tại điểm a khoản 2 Điều này có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định và bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này.

6. Chính phủ quy định cụ thể việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Điều 27. Dòng chảy tối thiểu

1. Các sông, suối, hồ chứa, đập dâng phải xác định dòng chảy tối thiểu:

a) Sông, suối có hồ chứa, đập dâng, các công trình chuyển nước, khai thác nước lớn có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, hệ sinh thái thủy sinh, các hoạt động văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng;

b) Các hồ chứa, đập dâng xây dựng trên các sông, suối có quy mô thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

2. Dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa, đập dâng là một trong những căn cứ để xem xét trong quá trình thẩm định, quyết định phê duyệt các nhiệm vụ sau:

a) Quy hoạch về tài nguyên nước; quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

b) Quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông;

c) Phương án điều hòa, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông; phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

d) Dự án xây dựng hồ chứa, đập dâng trên các sông, suối; dự án chuyển nước lưu vực sông;

đ) Cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

e) Các dự án có liên quan trực tiếp đến việc duy trì, bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

3. Việc xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa, đập dâng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Phải được thực hiện đối với từng vị trí cụ thể trên sông, suối và phải đảm bảo tính hệ thống trên lưu vực sông;

b) Bảo đảm công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi giữa các đối tượng khai thác, sử dụng nước, giữa các địa phương ở thượng du và hạ du;

c) Phù hợp với đặc điểm nguồn nước, chế độ dòng chảy trên sông suối đặc điểm địa hình, nhu cầu sử dụng nước, vai trò của sông, suối trong hệ thống sông và các chức năng khác của nguồn nước; phù hợp với quy mô, phương thức khai thác, khả năng vận hành điều tiết nước của hồ chứa;

d) Phù hợp với các thỏa thuận và cam kết chia sẻ lợi ích trong khai thác sử dụng nước với các quốc gia láng giềng có chung nguồn nước.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, thực hiện việc xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia; công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối liên tỉnh và sau hồ chứa, đập dâng thuộc thẩm quyền cấp phép.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, thực hiện việc xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh; công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh và sau hồ chứa, đập dâng thuộc thẩm quyền cấp phép.

6. Tổ chức, cá nhân là chủ hồ chứa, đập dâng phải thực hiện việc xác định dòng chảy tối thiểu sau hồ chứa, đập dâng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Ngưỡng khai thác nước dưới đất

1. Ngưỡng khai thác nước dưới đất là một trong những căn cứ để xem xét trong quá trình thẩm định, quyết định phê duyệt các nhiệm vụ sau:

a) Quy hoạch về tài nguyên nước; quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước; quy định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

b) Phương án điều hòa, phân phối nguồn nước; phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

c) Cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

2. Việc xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Phải được thực hiện đối với từng khu vực, từng tầng chứa nước;

b) Không gây xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, sụt, lún đất, tác động xấu tới nguồn nước mặt và môi trường liên quan;

c) Cân bằng giữa lượng nước khai thác với nguồn bổ cập hằng năm cho tầng chứa nước và mối quan hệ với các tầng chứa nước liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định, công bố ngưỡng khai thác nước dưới đất đối với các tầng chứa nước phân bố trên địa bàn và quản lý, giám sát việc khai thác để bảo đảm duy trì ngưỡng khai thác nước dưới đất trên địa bàn.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy

Việc khai thác khoáng sản, xây dựng cầu, bến tàu hoặc công trình khác ngăn, vượt sông, suối, kênh, rạch; đặt đường ống hoặc dây cáp bắc qua sông, suối, kênh, rạch, đặt lòng bè trên sông không được cản trở dòng chảy và phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân không được xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

2. Người phát hiện hành vi gây hủy hoại, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm ngăn chặn và kịp thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trong phạm vi địa phương;

b) Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát, bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

5. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt quan trọng đặc biệt.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác

1. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các loại hóa chất khác trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không được gây ô nhiễm, **ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước.**

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khai khoáng và các hoạt động sản xuất khác không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước; trường hợp sử dụng hóa chất độc hại thì phải có biện pháp bảo đảm an toàn, không được để rò rỉ, thất thoát dẫn đến gây ô nhiễm, **ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước.**

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích giao thông vận tải thủy, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học và các mục đích khác không được gây ô nhiễm, **ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước.**

Điều 32. Bảo vệ nước dưới đất

1. Nội dung bảo vệ nước dưới đất:

a) Tổ chức, cá nhân điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất; khảo sát địa chất công trình, xử lý nền móng công trình xây dựng, xây dựng công trình ngầm; thăm dò địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí các dự án có hoạt động khoan, đào khác phải thực hiện việc trám lấp giếng sau khi đã sử dụng xong hoặc bị hỏng;

b) Tổ chức, cá nhân thiết kế, thi công các công trình **khoan, đào, thí nghiệm trong các dự án điều tra, đánh giá**, thăm dò, khai thác nước dưới đất; khảo sát địa chất công trình, **xử lý nền móng công trình xây dựng, xây dựng công trình ngầm**; thăm dò địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí; **bơm hút nước tháo khô mỏ, tháo khô hố móng xây dựng gây hạ thấp mực nước dưới đất** và các hoạt động khoan, đào, thí nghiệm khác có ảnh hưởng đến nguồn nước dưới đất phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, thi công đảm

bảo yêu cầu về bảo vệ nước dưới đất và *bảo vệ môi trường nước dưới đất theo quy định của pháp luật về môi trường*;

c) Hóa chất, chất phóng xạ sử dụng để thí nghiệm trong thăm dò, khai thác nước dưới đất phải nằm trong danh mục hóa được phép sử dụng theo quy định của pháp luật, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước;

d) Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng nước dưới đất theo thời kỳ 05 năm;

đ) Khoanh vùng nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ và áp dụng biện pháp hạn chế khai thác để bảo vệ nguồn nước dưới đất;

e) Xác định và bảo vệ vùng bổ cập của nước dưới đất.

2. Nội dung chính của kế hoạch quản lý chất lượng nước dưới đất:

a) Thực trạng chất lượng nguồn nước dưới đất; nguyên nhân chính gây ô nhiễm, suy giảm chất lượng nguồn nước dưới đất;

b) Đánh giá, dự báo xu hướng thay đổi chất lượng nước nguồn nước dưới đất; mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch;

c) Giải pháp, biện pháp bảo vệ, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước dưới đất; cải thiện nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm, suy giảm chất lượng;

d) Tổ chức thực hiện.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động khoan, đào, thí nghiệm và quy chuẩn kỹ thuật trám lấp giếng không sử dụng để bảo vệ nước dưới đất và quy định các biện pháp bảo vệ vùng bổ cập của nước dưới đất; quy định chi tiết nội dung kế hoạch quản lý chất lượng nước dưới đất.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm khoanh vùng nước dưới đất nguy cơ bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động khai thác, hạn chế khai thác nước dưới đất; ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng nước dưới đất.

Điều 33. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy

1. Nhà nước có kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn và các loại rừng khác, thực hiện các chương trình phủ xanh đất trống, đồi, núi trọc, mở rộng thảm thực vật nhằm chống xói mòn đất, tăng cường khả năng giữ nước của đất, bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác rừng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khai thác, bảo vệ rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy thoái rừng đầu nguồn.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hồ chứa, các dự án khai thác, chế biến khoáng sản và các hoạt động khác có sử dụng hoặc ảnh hưởng đến diện tích rừng phải trồng bù diện tích rừng đã bị mất do việc xây dựng công trình hoặc đóng góp kinh phí trồng rừng theo quy định trong trường hợp địa phương không bố trí được quỹ đất để trồng rừng mới.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa phải đóng góp kinh phí cho hoạt động bảo vệ rừng thuộc phạm vi lưu vực của hồ chứa và tham gia các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn.

Điều 34. Bảo vệ nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa

1. Nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa bao gồm:

a) Nguồn nước gắn liền với vùng đất ngập nước quan trọng, có giá trị đa dạng sinh học cao theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học;

b) Nguồn nước gắn liền với di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, tôn giáo đã được xếp hạng hoặc khoanh vùng bảo vệ theo quy định về pháp luật của luật di sản văn hóa;

c) Nguồn nước gắn liền với di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về môi trường.

2. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này phải được kiểm soát, giám sát chặt chẽ, bảo đảm không ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước và chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước.

3. Nhà nước ưu tiên phục hồi các nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này khi bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt.

Điều 35. Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước

1. Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề phải phù hợp với khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước trên cơ sở quy hoạch về tài nguyên nước; không nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và không bố trí dân cư ở ven các đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở.

2. Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước làm suy giảm chức năng của nguồn nước, gây sạt, lún đất, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Không xây dựng mới các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có nước thải nguy hại trong hành lang bảo vệ nguồn nước.

4. Nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thu gom xử lý, kiểm soát và có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Nước thải xả vào nguồn nước phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải, phù hợp với chức năng nguồn nước và sức chịu tải của môi trường nước tiếp nhận.

6. Các hồ chứa, đập dâng và công trình khai thác, sử dụng nước khác khai thác nước không hiệu quả, gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng thì phải cải tạo, nâng cấp hoặc phá dỡ.

7. Tổ chức, cá nhân khai thác mỏ hoặc xây dựng công trình, nếu tiến hành hoạt động bơm hút nước, tháo khô dẫn đến hạ thấp mực nước dưới đất gây cạn kiệt nguồn nước thì phải dừng ngay việc bơm hút nước và thực hiện các biện pháp hạn chế, khắc phục theo chỉ đạo của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

8. Ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

9. Chính phủ quy định chi tiết khoản 6 Điều này.

Điều 36. Phòng, chống ô nhiễm nước biển

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển phải có phương án, trang thiết bị, nhân lực bảo đảm phòng ngừa, hạn chế ô nhiễm nước biển.

Trường hợp để xảy ra sự cố gây ô nhiễm nước biển phải kịp thời xử lý, khắc phục sự cố và phải thông báo ngay tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thải từ các hoạt động ở vùng ven biển, hải đảo và các hoạt động trên biển phải được kiểm soát, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải vào biển.

Điều 37. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt

1. Phục hồi nguồn nước nhằm khôi phục chức năng nguồn nước và các giá trị sinh thái tự nhiên, giá trị văn hoá, lịch sử gắn liền với nguồn nước.

2. Việc phục hồi nguồn nước thông qua điều chỉnh chế độ vận hành, bổ sung, nâng cấp các công trình điều tiết, khai thác để cải thiện khả năng lưu thông dòng chảy, số lượng, chất lượng của nguồn nước, khả năng bổ

cấp nước dưới đất; giảm thiểu mức độ ô nhiễm; khôi phục hệ sinh thái tự nhiên và các giá trị văn hoá, lịch sử gắn liền nguồn nước.

3. Các nguồn nước phải được phân loại theo mức độ, phạm vi *suy thoái*, ô nhiễm, cạn kiệt và lập thứ tự ưu tiên để có kế hoạch phục hồi.

4. Kinh phí phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn xã hội hoá. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt.

5. Việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, phục hồi sự cố ô nhiễm nguồn nước thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm đối với các nguồn nước liên quốc gia thì việc ứng phó, khắc phục sự thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nguồn nước liên quốc gia phải kịp thời báo cáo với Bộ Tài nguyên và Môi trường về sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia xảy ra trên địa bàn;

b) Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan tại quốc gia xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia để tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn và khắc phục hậu quả phù hợp với pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết việc phục hồi nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt tại Điều này.

Điều 38. Hành nghề khoan nước dưới đất

1. Việc khoan điều tra, khảo sát, thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân được phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước.

2. Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thường xuyên bảo vệ nguồn nước do mình khai thác, sử dụng, đồng thời có quyền giám sát những hành vi, hiện tượng gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước của tổ chức, cá nhân khác.

4. Người phát hiện hành vi, hiện tượng gây tổn hại hoặc đe dọa đến an toàn nguồn nước có trách nhiệm ngăn chặn và báo ngay cho chính quyền địa phương nơi gần nhất để kịp thời xử lý. Trường hợp chính quyền địa phương nhận được

thông báo không xử lý được thì phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU HOÀ, PHÂN PHỐI VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Mục 1. ĐIỀU HÒA, PHÂN PHỐI TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 40. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước

1. Việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng phải căn cứ vào quy hoạch về tài nguyên nước, khả năng của nguồn nước ***có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu***, kế hoạch điều hòa, phân phối tài nguyên nước và bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm công bằng, hợp lý giữa các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trên cùng một lưu vực sông, giữa thượng lưu với hạ lưu;

b) Ưu tiên về số lượng, chất lượng nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp góp phần bảo đảm an ninh lương thực và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân;

c) Bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, ngưỡng khai thác nước dưới đất;

d) Kết hợp khai thác, sử dụng nguồn nước mặt với khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất, nước mưa; tăng cường việc trữ nước trong mùa mưa để sử dụng cho mùa khô;

đ) Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, hạn chế điều hoà phân, phối nguồn nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết.

2. ***Hoạt động điều hòa, phân bổ tài nguyên nước bao gồm việc điều phối vận hành các hồ chứa, các công trình điều tiết nguồn nước, công trình tích, trữ nước, các công trình khai thác, sử dụng khác và điều phối hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước trên từng lưu vực sông.***

3. ***Hằng năm, trên cơ sở kết quả dự báo khí tượng thủy văn, nguồn nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông liên tỉnh. Căn cứ vào kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông liên tỉnh, các Bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền chỉ đạo việc khai thác, sử dụng nước phù hợp với kịch bản nguồn nước được công bố.***

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 41. Điều hoà, phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phương án dự trữ, sử dụng nguồn nước trên địa bàn để chủ động ứng phó với tình trạng thiếu nước nhằm bảo đảm nước cho sinh hoạt của người dân, nước uống cho gia súc và các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các nhu cầu sử dụng nước thiết yếu khác; chỉ đạo huy động mọi nguồn lực để thực hiện các biện pháp

khắc phục tình trạng thiếu nước trên địa bàn.

2. Căn cứ kịch bản nguồn nước quy định tại khoản 3 Điều 40, trường hợp dự báo xảy ra hạn hán, thiếu nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng phương án điều hoà, phân bổ nguồn nước để ứng phó. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông liên tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều hoà, phân phối tài nguyên nước trong phạm vi địa phương.

3. Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, căn cứ vào tình hình thực tế, kết quả quan trắc của hệ thống quan trắc, giám sát và kết quả dự báo diễn biến tình trạng hạn hán, thiếu nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, ngành quyết định triển khai thực hiện việc điều hoà, phân bổ nguồn nước để ứng phó, giảm thiểu thiệt hại.

4. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sử dụng các nguồn nước hiện có trên địa bàn, bao gồm cả lượng nước trữ trong phần dung tích chết các hồ chứa để giải quyết các nhu cầu cấp nước.

5. Trong trường hợp thiếu nước đặc biệt nghiêm trọng việc, việc điều hoà, phân bổ nguồn nước được thực hiện theo pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi được giao quản lý có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó, giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp hạn hán, thiếu nước.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 42. Chuyển nước lưu vực sông

1. Việc lập dự án chuyển nước phải dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Chiến lược tài nguyên nước, chiến lược bảo vệ môi trường;

b) *Quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh*; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các ngành liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên các lưu vực sông;

c) Đánh giá khả năng thực tế của các nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước của cả lưu vực chuyển nước và lưu vực nhận nước;

d) Đánh giá khả năng ảnh hưởng của việc chuyển nước đến việc khai thác, sử dụng nước, duy trì dòng chảy, kiểm soát lũ, *xói lở lòng, bờ, bãi sông* và tác động đến môi trường sinh thái, đặc biệt trong mùa khô; lợi ích kinh tế của việc chuyển nước;

đ) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với trường hợp dự án chuyển nước có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia.

2. Lấy ý kiến thẩm định dự án chuyển nước

a) Dự án chuyển nước *từ nguồn nước liên tỉnh* phải có ý kiến thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, *tổ chức lưu vực sông* trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư;

b) *Dự án chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước nơi có nguồn nước trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư.*

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 43. Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa

1. Hồ chứa phải có quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt *theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa* trước khi tích nước.

2. Hồ chứa lớn, quan trọng trên lưu vực sông phải vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa phải bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước cho hạ du và bố trí dung tích để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của hồ chứa, bao gồm cả dung tích để phòng, chống lũ, an toàn cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường và điều kiện thời tiết bất thường, biến động về *nguồn* nước có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu.

4. Quy trình vận hành liên hồ chứa phải được xây dựng, ban hành hướng tới việc vận hành các hồ chứa theo thời gian thực, nhằm tối ưu hoá việc điều tiết nguồn nước cho các mục đích sử dụng.

Tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hồ chứa có trách nhiệm nghiên cứu, đầu tư đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng các yêu cầu vận hành, điều hành vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; tham gia đóng góp kinh phí xây dựng hệ thống điều hành việc vận hành liên hồ chứa đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tối ưu hóa điều tiết nguồn nước các hồ chứa cấp cho các mục đích sử dụng nước.

5. Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông phải được lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, tổ chức lưu vực sông, tổ chức liên quan khác trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các hồ chứa phải vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa; *tổ chức xây dựng, thẩm định Quy trình*

vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa thì phải xây dựng phương án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy trình vận hành hồ chứa **phù hợp với quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa.**

7. Chính phủ quy định chi tiết điểm a khoản 6 Điều này.

Điều 44. Bổ sung nhân tạo nước dưới đất

1. Các khu vực bổ sung nhân tạo nước dưới đất:

a) *Các khu vực nước dưới đất có mực nước dưới đất bị hạ thấp quá mức hoặc có nguy cơ bị hạ thấp quá mức ở đô thị, nông thôn và các khu, cụm công nghiệp tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền khoanh định, công bố là vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;*

b) *Các vùng khô hạn, khan hiếm nước có nhu cầu khai thác nước dưới đất;*

c) *Các vùng lộ của tầng chứa cần gia tăng lượng bổ cập tự nhiên nước dưới đất.*

2. Việc bổ sung nhân tạo nước dưới đất phải trên cơ sở đánh giá cụ thể khả năng thích ứng về số lượng, chất lượng, khả năng giữ và trữ nước của tầng chứa nước được bổ sung; yêu cầu về khai thác, sử dụng, bảo vệ nước dưới đất; đánh giá đầy đủ các tác động kinh tế - xã hội và môi trường.

3. Trách nhiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất:

a) *Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất được cơ quan có thẩm quyền cấp phép trong các khu vực quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được xem xét miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên căn cứ theo lượng nước bổ cập cho nước dưới đất;*

b) *Các dự án xây dựng mới nhà cao tầng, khu công viên tại các đô thị thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất được cơ quan có thẩm quyền công bố phải có hạng mục công trình thu gom nước mưa bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất;*

c) *Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất xây dựng, triển khai thực hiện các dự án bổ sung nhân tạo nước dưới đất quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận và được*

miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên căn cứ theo lượng nước bổ cấp cho nước dưới đất.

4. Chính phủ quy định cụ thể Điều này và lộ trình thực hiện.

Điều 45. Gây mưa nhân tạo

Việc gây mưa nhân tạo phải căn cứ vào nhu cầu về nước của vùng thiếu nước và điều kiện cho phép để quyết định biện pháp, quy mô hợp lý và phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền *theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.*

Mục 2. KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 46. Quy định chung về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Luật này và các quy định sau đây:

a) Việc đầu tư, xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước cho các mục đích phải phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh; trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch không thể hiện cụ thể thì căn cứ vào khả năng của nguồn nước;

b) Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải chịu sự quản lý, giám sát, điều hoà, phân phối của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định;

c) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đúng mục đích sử dụng, phù hợp với khả năng của nguồn nước, kích bản nguồn nước được công bố và phương án điều hoà, phân bổ nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước; phải có phương án, giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, cạn kiệt, xâm nhập mặn, sụt lún mặt đất, bảo vệ nguồn nước;

d) Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông, suối, ngưỡng khai thác nước dưới đất; phải được đăng ký, cấp phép theo quy định;

đ) Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải gắn với việc bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh, hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo thẩm quyền.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm quản lý các công trình khai thác, sử dụng nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật này.

Điều 47. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có các quyền sau

đây:

a) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và mục đích khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

c) Được Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

d) Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên nước theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Được dẫn nước chảy qua đất liền kề thuộc quyền quản lý, sử dụng của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

e) Khiếu nại, khởi kiện về các hành vi vi phạm quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật;

b) Khai thác, sử dụng nước đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên nước;

c) Sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm, an toàn và có hiệu quả;

d) Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng;

e) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính; bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

g) Cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép;

h) Khi bổ sung, thay đổi mục đích, quy mô khai thác, sử dụng thì phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp không phải xin cấp giấy phép, không phải đăng ký theo quy định tại Điều 48 của Luật này;

i) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước thì ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này, còn phải thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật này còn được chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định

của Chính phủ.

Điều 48. Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Các trường hợp phải đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Khai thác, sử dụng nước trực tiếp trên sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước và các dạng tích tụ nước khác;

b) Công trình ngăn sông, suối, kênh, rạch và các công trình tạo nguồn nước khác;

c) Tạo không gian chứa, trữ nước để tạo cảnh quan, thoát nước mưa và các mục đích sử dụng khác;

d) Sử dụng nước trong các moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô trong moong khai thác khoáng sản; sử dụng mặt nước để nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè trên sông, suối; sử dụng mặt nước hồ, ao trong khu du lịch, vui chơi giải trí; sử dụng mặt nước để làm điện mặt trời, tạo cảnh quan và các trường hợp sử dụng nước khác.

2. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, cấp phép

a) Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình, các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học; khai thác, sử dụng nước biển để sản xuất muối;

b) Các công trình khai thác, sử dụng nước quy định tại khoản 1 Điều này có quy mô nhỏ;

c) Khai thác, sử dụng nước tại các địa phương hoặc trên cả nước trong thời gian xảy ra tình trạng khẩn cấp do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban bố;

d) Khai thác, sử dụng nước để phòng cháy, chữa cháy;

đ) Khai thác, sử dụng nước để cấp nước sinh hoạt tại các khu vực trong thời gian xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn hoặc các sự cố ô nhiễm, dịch bệnh do cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 82 của Luật này cấp giấy phép tài nguyên nước trước khi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước hoặc đăng ký theo quy định.

4. Việc cấp phép phải đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; đảm bảo lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan theo nguyên tắc không ảnh hưởng đến quyền khai thác nước của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép.

5. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.

Điều 49. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt

1. Nhà nước ưu tiên khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt bằng các biện pháp sau đây:

a) Đầu tư, hỗ trợ các dự án cấp nước sinh hoạt, nước sạch, ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Có chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định các nguồn nước có chức năng cấp nước cho sinh hoạt, nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước trong quy hoạch về tài nguyên nước;

Xây dựng trình Chính phủ ban hành các quy định trong việc xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước, quy định việc quan trắc, giám sát chất lượng nguồn nước khai thác cấp cho sinh hoạt.

3. Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi quyền hạn có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung về cấp nước trong các quy hoạch có liên quan đến cấp nước sinh hoạt cho đô thị, nông thôn bảo đảm phù hợp với chức năng nguồn nước đã được xác định trong quy hoạch về tài nguyên nước; rà soát, điều chỉnh, đồng bộ về kết cấu hạ tầng, tạo kết nối liên thông giữa hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn; ban hành, thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn để đảm bảo an toàn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tỷ lệ thất thoát và cải thiện việc cung cấp dịch vụ cấp nước cho đô thị, nông thôn.

4. Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

5. Bộ Công An, Bộ Quốc phòng theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với các Bộ, ngành trong bảo vệ an toàn nguồn nước, công trình cấp nước sinh hoạt quan trọng đặc biệt.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung về cấp nước trong quy hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với chức năng nguồn nước đã được xác định trong quy hoạch về tài nguyên nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án cấp nước sinh hoạt; thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt và nhu cầu thiết yếu của nhân dân trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

7. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước để cấp cho sinh hoạt có trách nhiệm sau đây:

a) Việc xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước và quy hoạch tỉnh;

b) Đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; có biện pháp thông báo, cảnh báo phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác và kiểm soát, theo dõi, giám sát nghiêm ngặt các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

c) Thực hiện lập, phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước đang khai thác, nội dung phương án phải bao gồm quy trình ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước khai thác cấp cho mục đích sinh hoạt;

d) Phải có biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, phòng, chống bảo vệ nguồn nước khai thác; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước;

đ) Ngoài việc thực hiện các quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại Điều 58 Luật này, còn phải quan trắc, giám sát tự động liên tục chất lượng nguồn nước khai thác để đảm bảo kiểm soát, cảnh báo sớm ô nhiễm nguồn nước khai thác theo quy định của Chính phủ và kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

g) Tổ chức tính toán nguồn nước đảm bảo khả năng đáp ứng cho nhu cầu cấp nước. Có phương án cấp nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước đang khai thác;

h) Phải có giải pháp công trình có khả năng lưu chứa nước tối thiểu 3 ngày để đảm bảo nguồn nước cấp liên tục, không bị gián đoạn trong trường hợp xảy ra hạn hán, sự cố ô nhiễm nguồn nước cấp và các sự cố khác không thể cấp nước.

8. Tổ chức, cá nhân được cấp nước sinh hoạt có trách nhiệm tham gia đóng góp công sức, tài chính cho việc bảo vệ nguồn nước, khai thác, xử lý nước phục vụ cho sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp phải có biện pháp tiết kiệm nước, phòng, chống chua, mặn, xói mòn đất và bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước; sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp phải đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước.

2. Tổ chức, cá nhân vận hành các hệ thống công trình thủy lợi phải tuân thủ theo quy trình vận hành; xây dựng kế hoạch vận hành hệ thống đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước; phải thực hiện

việc quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước theo quy định; giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo rà soát điều chỉnh các quy trình vận hành công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi theo hướng sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và đảm bảo lưu thông dòng chảy trong hệ thống kênh, không gây ú đọng, ô nhiễm nguồn nước;

b) Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu mùa, vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện nguồn nước; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm;

c) Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để kiểm soát việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước; xây dựng định mức sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp theo quy định.

Điều 51. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện

1. Việc khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện phải bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, trừ trường hợp khai thác, sử dụng nước với quy mô nhỏ.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện phải tuân theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu nguồn nước; có trách nhiệm hỗ trợ người dân nơi có hồ chứa.

Điều 52. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản

1. Nhà nước khuyến khích đầu tư khai thác, sử dụng nước biển để sản xuất muối. Tổ chức, cá nhân sử dụng nước biển để sản xuất muối không được gây xâm nhập mặn, ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng nước đã bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước cho nuôi trồng thủy sản. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho nuôi trồng thủy sản không được làm ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, cản trở dòng chảy, hư hại công trình trên sông, gây trở ngại cho giao thông thủy và không được gây nhiễm mặn nguồn nước.

3. Việc khai thác, sử dụng nước cho nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ không được gây ảnh hưởng đến an toàn hồ chứa, đập dâng, nhiệm vụ phòng, chống lũ, cấp nước cho hạ du của hồ chứa, đập dâng.

Điều 53. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp phải tiết kiệm nước, không gây ô nhiễm nguồn nước.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho khai thác, chế biến khoáng sản phải có biện pháp thu gom, xử lý nước đã qua sử dụng đạt tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước, ***có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu khác đến nguồn nước.***

Điều 54. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy

1. Hoạt động giao thông thủy không được gây ô nhiễm nguồn nước, cản trở dòng chảy, gây hư hại lòng, bờ, bãi sông, suối, kênh, rạch và các công trình trên sông; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xây dựng và quản lý các công trình khác liên quan đến nguồn nước phải bảo đảm an toàn và hoạt động bình thường cho các phương tiện giao thông thủy và không được gây ô nhiễm nguồn nước.

Điều 55. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác

Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, y tế, thể thao, giải trí, du lịch, ***mát máy, thiết bị, tạo hơi và gia nhiệt*** và các mục đích khác phải sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả; không được gây ô nhiễm, ***nhiễm mặn***, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, cản trở dòng chảy, ***sụt lún đất, hệ sinh thái*** và các ảnh hưởng xấu khác đến nguồn nước.

Điều 56. Thăm dò, khai thác nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò nước dưới đất phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ***hoặc phải đăng ký***, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật này.

3. Việc cấp giấy phép khai thác nước dưới đất phải căn cứ vào quy hoạch tài nguyên nước, ***quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, quy hoạch tỉnh***, kết quả điều tra cơ bản, thăm dò nước dưới đất, tiềm năng, trữ lượng nước dưới đất và các quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Hạn chế ***thăm dò***, khai thác nước dưới đất tại các khu vực sau đây:

a) ***Khu vực đã từng xảy ra sự cố sụt, lún đất, biến dạng địa hình, bị nhiễm mặn, ô nhiễm hoặc có nguy cơ bị nhiễm mặn, ô nhiễm;***

b) ***Khu vực có mực nước bị suy giảm liên tục vượt quá hạ thấp mực nước cho phép theo quy định;***

c) ***Khu vực thuộc hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.***

5. Chính phủ quy định cụ thể ***Điều này***.

Điều 57. Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng

1. Quy hoạch phát triển của các ngành, địa phương có đề xuất xây dựng hồ chứa trên sông, suối phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.

2. Dự án xây dựng hồ chứa, ***đập dâng*** trên sông, suối phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) *Phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch thì phải căn cứ vào khả năng nguồn nước và phải bảo đảm không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;*

b) *Phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật liên quan khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; phải đảm bảo sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu;*

c) *Việc thiết kế và bố trí tổng thể công trình đầu mối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, xả nước phục hồi dòng sông ô nhiễm, cạn kiệt hoặc xả nước gia tăng cấp cho các mục đích sử dụng nước ở hạ du khi có yêu cầu, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, bảo đảm sự di cư của các loài cá, sự đi lại của phương tiện vận tải thủy đối với các đoạn sông, suối có hoạt động vận tải thủy;*

d) Có ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại Điều 7 của Luật này.

3. Dự án xây dựng hồ chứa trong khu đô thị, khu dân cư để tạo cảnh quan, thoát nước mưa; hồ điều hòa trong hệ thống thoát nước và các loại hồ khác phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) *Không làm ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; không gây sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước và môi trường liên quan;*

b) *Có hạng mục công trình nối tiếp giữa hồ chứa và hệ thống thoát nước phù hợp để đảm bảo không gây ngập úng nhân tạo;*

c) *Có biện pháp giảm thiểu thất thoát nguồn nước, đảm bảo chất lượng nguồn nước theo quy định;*

d) *Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa phải lập quy trình vận hành, khai thác, sử dụng hồ chứa đảm bảo không gây ô nhiễm, ngập úng nhân tạo.*

4. Việc khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng trên sông, suối phải đảm bảo các yêu cầu về cắt giảm lũ cho hạ du, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu và đảm bảo các nguyên tắc về điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Điều 40 của Luật này.

5. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa, đập dâng có trách nhiệm:

a) *Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được phê duyệt; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, nguồn nước cấp cho các nhu cầu sử dụng nước phía hạ du công trình, an toàn công trình và vùng hạ du của hồ chứa, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;*

b) Tuân thủ theo lệnh điều hành vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước, **xâm nhập mặn** và các trường hợp khẩn cấp khác;

c) Xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tiết nước hằng năm của hồ chứa; thực hiện kế hoạch, phương án điều hòa, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Xây dựng và thực hiện phương án ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng và các tình huống khẩn cấp xảy ra trên địa bàn;

đ) Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu hồ chứa, đập dâng trước khi vận hành xả nước về hạ du và hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình;

e) Quan trắc khí tượng, thủy văn và tính toán, dự báo lượng nước đến hồ phục vụ vận hành hồ chứa; ***thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 58 của Luật này;***

g) Thực hiện chế độ báo cáo; các quy định khác của Luật này và pháp luật có liên quan;

h) Thực hiện chế độ cung cấp thông tin, số liệu theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

i) Xây dựng phương án để đối phó với tình huống vỡ đập, các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân.

6. Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác có sử dụng mặt nước thì tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước hồ chứa phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp phép theo quy định của Luật này.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án sử dụng một phần dung tích chống lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa để cắt giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng phương án khi xảy ra tình huống khẩn cấp, bất thường.

8. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố môi trường nghiêm trọng khác trên lưu vực sông liên tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phương án sử dụng lượng nước trong các hồ chứa để điều tiết cấp nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án điều tiết nước liên hồ chứa cấp nước cho hạ du.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng lượng nước trong các hồ chứa thuộc lưu vực sông nội tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để điều tiết xả nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố môi trường nghiêm trọng khác trên lưu vực sông nội tỉnh.

10. Chính phủ quy định chi tiết khoản 6, khoản 8 và khoản 9 Điều này.

Điều 58. Giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có trách nhiệm lắp đặt thiết bị đo đạc, thực hiện việc quan trắc tự động, định kỳ, kết nối, truyền số liệu vào hệ thống giám sát của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều này để phục vụ việc giám sát việc khai thác, sử dụng nước của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tiếp nhận số liệu quan trắc của tổ chức cá nhân khai thác, sử dụng và giám sát việc chấp hành quy định của giấy phép tài nguyên nước. Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải được tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 3. SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

Điều 59. Biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước phải thực hiện các biện pháp sau đây để sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả:

- a) Đúng mục đích, hợp lý;
- b) Có kế hoạch thay thế, loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiều nước;
- c) Cải tiến, hợp lý hóa quy trình sử dụng nước; áp dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến trong khai thác, sử dụng nước; tăng khả năng sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; tích trữ nước mưa để sử dụng;
- d) Bố trí cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước; cải tiến, hợp lý hóa và áp dụng các biện pháp, công nghệ, kỹ thuật canh tác, xây dựng, duy tu, vận hành các công trình dẫn nước, giữ nước để tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xây dựng mô hình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; phổ biến, tuyên truyền mô hình, công nghệ, thiết bị tiết kiệm nước.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng nước nhằm thúc đẩy, khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn nghiên cứu áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm loại bỏ dần công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiều nước;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và ban hành định mức tiêu thụ nước trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình; thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong khai thác, sử dụng nước, định mức tiêu thụ nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương.

Điều 60. Hạn chế thất thoát nước trong các hệ thống cấp nước

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi phải áp dụng các biện pháp phòng, chống thấm và bảo đảm vận hành hệ thống với phương thức tối ưu nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước hợp lý, hiệu quả và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước.

Điều 61. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước, thu gom, sử dụng nước mưa, sử dụng nước được khử muối từ nước lợ, nước mặn, đầu tư thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước, được vay vốn ưu đãi và miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định việc ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 62. Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ xử lý nước thải, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, tái sử dụng nước và công nghệ khác nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí và xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả được ưu tiên bao gồm:

a) Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong các ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp;

b) Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý nước thải, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

c) Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong việc vận hành điều tiết nước hồ chứa, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước;

d) Ứng dụng giải pháp công nghệ để chế tạo mới các phương tiện, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm; cải tiến, đổi mới, nâng cấp thiết bị sử dụng nước;

đ) Ứng dụng giải pháp sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình thiết kế, thi công công trình xây dựng.

CHƯƠNG V

PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Điều 63. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quyết định và chỉ đạo bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 64. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra

Việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của lũ, lụt, nước biển dâng, mưa đá, mưa axit và các tác hại khác của nước do thiên tai gây ra được thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều, phòng, chống lụt, bão và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 65. Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo

1. Phòng, chống hạn hán, thiếu nước

a) *Thực hiện các biện pháp ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu; đầu tư xây dựng mới, cải tạo công trình để trữ nước trong mùa lũ nhằm cấp nước cho mùa khô ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước;*

b) *Nhà nước đầu tư và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu*

tư xây dựng công trình cấp nước, công trình trữ nước; áp dụng biện pháp sử dụng nước tiết kiệm; tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước dự phòng;

c) Mức độ hạn hán, thiếu nước được xác định theo quy định pháp luật về khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai;

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức dự báo, cảnh báo nguồn nước và thông báo về tình hình hạn hán, thiếu nước theo thẩm quyền; xây dựng bản đồ phân vùng hạn hán, thiếu nước trên nền tảng công nghệ số và chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phương án điều hoà, phân bổ nguồn nước theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật này;

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm triển khai, thực hiện các giải pháp nhằm ứng phó, khắc phục hạn hán, thiếu nước và thực hiện theo phương án phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước;

e) Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, tùy thuộc quy mô, mức độ hạn hán, thiếu nước, Ủy ban nhân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục và xử lý kịp thời tình trạng hạn hán, thiếu nước; sử dụng tối đa nguồn nước hiện có từ các hồ chứa, sông, suối, nguồn nước dưới đất và các nguồn nước khác trên địa bàn để bảo đảm nước cho sinh hoạt của nhân dân và các nhu cầu thiết yếu khác; hạn chế việc cấp nước cho các hoạt động sản xuất tiêu thụ nhiều nước; huy động các nguồn lực hỗ trợ, vận chuyển, giải quyết việc cấp nước sinh hoạt.

2. Phòng, chống lũ, lụt, ngập úng nhân tạo

a) Hồ chứa trên lưu vực sông phải vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa theo quy định tại Điều 43 Luật này;

b) Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, phục hồi các hồ, ao có chức năng điều hòa, phòng chống ngập lụt, công trình chuyển dẫn nước theo hướng sử dụng nước đa mục tiêu vừa cấp nước, tiêu thoát nước;

c) Việc thiết kế, xây dựng hạ tầng giao thông phải đảm bảo tính toán trên cơ sở kịch bản cực đoan và đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng nhân tạo;

d) Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề phải phải có giải pháp đảm bảo không gây ngập úng nhân tạo.

3. Thu trữ và sử dụng nước mưa

a) Việc thu trữ nước mưa phải trên cơ sở đặc điểm nguồn nước, mức độ đô thị hóa, năng lực hệ thống thoát nước của khu vực và đảm bảo mục tiêu

giảm thiểu ngập úng đô thị, tăng khả năng cấp nước cho vùng hạn hán, thiếu nước;

b) Các khu vực phải thực hiện thu trữ nước mưa gồm: khu vực đô thị thường xuyên xảy ra ngập úng do mưa, triều cường; khu vực khan hiếm nước, có nguồn nước bị ô nhiễm, xâm nhập mặn, suy thoái nghiêm trọng; khu vực khó khăn trong việc tiếp cận nguồn nước;

c) Nhà nước ưu tiên thực hiện các giải pháp thu trữ, thoát nước mưa đồng bộ, tổng thể để giảm thiểu ngập úng đô thị;

d) Nội dung quy hoạch chung xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp tại các khu vực quy định điểm b khoản này phải bao gồm phương án thu trữ nước mưa;

đ) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, nhà cao tầng, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung tại các khu vực quy định điểm b khoản này phải đảm bảo các yêu cầu: có phương án thiết kế hạng mục công trình thu trữ nước mưa là thành phần của hồ sơ thiết kế dự án; có hạng mục công trình thu trữ nước mưa đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về trữ, thoát nước; có quy trình vận hành công trình thu trữ nước mưa;

e) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình thu trữ nước mưa và có nhu cầu sử dụng nước mưa được miễn giảm thuế sử dụng tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

g) Việc sử dụng nước mưa cho các mục đích khác nhau phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước hiện hành;

h) Ủy ban nhân cấp tỉnh xác định các khu vực khan hiếm nước, có nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt; khu vực khó khăn về nguồn nước cấp; khu vực đô thị thường xuyên xảy ra ngập úng do mưa, do triều cường và nước biển dâng;

i) Bộ Xây dựng quy định chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các giải pháp công trình hạ tầng thu trữ nước mưa và ban hành hướng dẫn thiết kế hạ tầng thu trữ nước mưa.

4. Hồ, ao, đầm, phá không được san lấp để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 66. Phòng, chống xâm nhập mặn

1. Việc quản lý, vận hành các công ngăn mặn, giữ ngọt và các hồ chứa nước, công trình điều tiết dòng chảy phải tuân theo quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn.

2. Việc thăm dò, khai thác nước dưới đất ở vùng đồng bằng, ven biển phải bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất.

3. Việc khai thác nước lợ, nước mặn để sử dụng cho sản xuất không được gây xâm nhập mặn các nguồn nước và làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp phải có biện pháp phòng, chống chua, mặn, xói mòn đất và bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

Điều 67. Phòng, chống sụt, lún đất

1. Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất, khoan thăm dò địa chất, thăm dò khoáng sản, dầu khí phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, phòng, chống sụt, lún đất.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác nước dưới đất phải thực hiện các biện pháp quy định trong giấy phép, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn kỹ thuật bảo đảm không gây sụt, lún đất.

Trường hợp xảy ra sụt, lún đất thì phải dừng việc thăm dò, khai thác, đồng thời thực hiện các biện pháp khắc phục và báo ngay cho chính quyền địa phương nơi gần nhất.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, xây dựng công trình ngầm, thực hiện các hoạt động khoan, đào khác phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, phòng, chống sụt, lún đất.

4. Ở những vùng bị sụt, lún đất hoặc có nguy cơ bị sụt, lún đất do hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất gây ra thì cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước phải khoanh vùng để có biện pháp hạn chế sụt, lún đất.

Điều 68. Bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ

1. Các hoạt động xây dựng công trình, cải tạo cảnh quan, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và lòng, bờ, bãi sông, hồ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch phòng, chống lũ, đề điều và các quy hoạch khác có liên quan;

b) Phù hợp với các quy định về hành lang thoát lũ, xả lũ của các hồ chứa, bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều, các công trình liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng và công trình hạ tầng khác, trừ trường hợp xử lý khẩn cấp; phù hợp với các yêu cầu về bảo tồn văn hóa, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ, phát triển hệ sinh thái tự nhiên; bảo đảm an ninh, quốc phòng và bảo vệ nguồn nước;

c) Bảo vệ, duy trì khả năng thoát lũ của sông; không làm suy giảm khả năng thoát lũ dẫn đến gây ngập úng bãi, vùng đất ven sông, gây sạt lở bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước; không làm suy giảm mực nước sông trong mùa cạn gây ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, sử dụng nước trên sông;

d) Không gây bồi lắng, xói, lở lòng sông, gây mất ổn định bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng của nguồn nước;

đ) Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái ven sông;

e) Không được cản trở dòng chảy và phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật liên quan khác theo quy định của pháp luật;

g) Hạn chế việc lấn sông, thu hẹp không gian chứa, thoát lũ của sông. Trường hợp đặc biệt phải lấn sông để thực hiện các biện pháp phòng, chống sạt, lở bờ sông, bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông hoặc các yêu cầu khác về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, thì phải gắn với các yêu cầu về chỉnh trị sông, cải tạo cảnh quan ven sông và phần diện tích sông bị lấn chỉ sử dụng cho các mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Các hoạt động sau đây trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và lòng, bờ, bãi sông, hồ phải thực hiện đánh giá tác động và có phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi triển khai trừ đoạn sông có đề thực hiện theo quy định pháp luật về đê điều:

a) Khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác;

b) Nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa, trừ duy tu, bảo dưỡng định kỳ các tuyến đường thủy nội địa hiện có;

c) Kè bờ, gia cố bờ sông; lấn sông, cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông;

d) Xây dựng công trình, vật kiến trúc nổi trên sông, xây dựng cầu, cảng sông, bến tàu, phà tiếp nhận tàu và các công trình thủy khác;

đ) Khoan, đào, xử lý nền móng công trình, tháo khô mỏ.

3. Việc đánh giá tác động đối với các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trước khi được cấp quyết định đầu tư.

4. Căn cứ vào tiêu chí khoanh định khu vực cấm, tạm cấm khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn, lấy ý kiến các cơ quan theo quy định của pháp luật về khoáng sản; ý kiến của Ủy ban lưu vực sông liên quan (nếu có), gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể hoạt động của tàu, thuyền trên các tuyến giao thông đường thủy, **hoạt**

động của các công trình xây dựng, hoạt động vận hành của các công trình thủy lợi, thủy điện để bảo đảm phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông.

6. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

CHƯƠNG VI

CÔNG CỤ KINH TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHO BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, TRỮ NƯỚC VÀ PHỤC HỒI NGUỒN NƯỚC

Điều 69. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước

1. Thuế tài nguyên nước và các khoản thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Các loại phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

3. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Chính sách thuế, phí tài nguyên nước

1. Thuế về tài nguyên nước bao gồm thuế tài nguyên nước và thuế áp dụng đối với sản phẩm, hàng hoá mà việc sử dụng gây tác động xấu đến nguồn nước.

a) Thuế tài nguyên nước được áp dụng đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thuế suất tài nguyên nước được xác định trên cơ sở giá trị sử dụng nước, mức độ tác động đến sinh kế và mức độ căng thẳng của tài nguyên nước trong khu vực;

b) Thuế áp dụng đối với sản phẩm, hàng hoá mà việc sử dụng gây tác động xấu đến nguồn nước được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Phí tài nguyên nước được quy định như sau:

a) Đối với hoạt động xả nước thải vào nguồn nước thì áp dụng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Phí thẩm định, kiểm định kết quả các hoạt động sử dụng nguồn vốn xã hội hoá trong lĩnh vực tài nguyên nước có bàn giao cho cơ quan quản lý nhà nước quản lý, vận hành;

c) Dịch vụ công thuộc lĩnh vực tài nguyên nước;

d) Mức thu phí quy định tại điểm a, b, c khoản này được xác định trên cơ sở mức độ tác động xấu đến môi trường nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tính chất dịch vụ công, hoạt động sử dụng nguồn vốn xã hội hoá thuộc lĩnh vực tài nguyên nước.

3. Việc ban hành, tổ chức thực hiện quy định về thuế, phí tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình áp dụng.

Điều 71. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong các trường hợp sau đây:

- a) Khai thác nước để phát điện có mục đích thương mại;
- b) Khai thác nước để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp (*nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt*), *nước cấp cho sinh hoạt*;
- c) Khai thác nước dưới đất để trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô lớn.

2. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được xác định căn cứ vào **số lượng**, chất lượng của nguồn nước, loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô, thời gian khai thác.

3. **Giao** Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp khai thác tài nguyên nước phải *nộp tiền, được miễn, giảm tiền* cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được ưu tiên sử dụng cho các hoạt động về bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 72. Dịch vụ liên quan đến bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước

1. Các dịch vụ liên quan đến bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước:

a) Dịch vụ môi trường rừng liên quan đến bảo vệ, phát triển nguồn nước theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

b) Dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái biển phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về môi trường;

c) Dịch vụ bổ sung nhân tạo nước dưới đất;

d) Dịch vụ trữ, điều hoà nước để phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản;

đ) Dịch vụ cải tạo, phục hồi nguồn nước;

e) Dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành liên hồ chứa;

g) Dịch vụ cấp nước theo quy định của pháp luật;

h) Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật giá.

2. Nguyên tắc chi trả dịch vụ được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân sử dụng một hoặc một số dịch vụ liên quan đến tài nguyên nước phải chi trả tiền dịch vụ;

b) Việc chi trả tiền dịch vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đảm bảo tổ chức, cá nhân duy trì bảo vệ, phát triển nguồn sinh thủy thượng lưu được chi trả phù hợp từ tổ chức, cá nhân được hưởng lợi ở hạ lưu;

c) Việc chi trả tiền dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ liên quan đến tài nguyên nước được sử dụng tiền thu từ chi trả dịch vụ để bảo vệ, duy trì và phát triển, phục hồi nguồn nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 73. Nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước

1. Nguồn lực để thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước:

a) Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, không thường xuyên; chi đầu tư cho bảo vệ và phát triển nguồn nước;

b) Nguồn vốn xã hội hóa cho bảo vệ, phát triển nguồn nước: nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; nguồn đóng góp, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bố trí nguồn lực thực hiện các hoạt động sau:

a) Điều tra cơ bản, quy hoạch về tài nguyên nước;

b) Bảo vệ tài nguyên nước;

c) Xây dựng, phát triển hạ tầng khai thác, sử dụng nước; công trình, biện pháp phát triển nguồn nước;

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

đ) Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

e) Tuyên truyền, truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước;

g) Hội nhập, hợp tác quốc tế về tài nguyên nước;

h) Kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực tài nguyên nước;

i) Các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra.

3. Ngân sách nhà nước bố trí tăng dần theo từng giai đoạn, phù hợp với khả năng ngân sách và yêu cầu nhiệm vụ về bảo vệ, phát triển nguồn nước.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 74. Xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước

1. Các hoạt động được khuyến khích sử dụng nguồn vốn xã hội hoá:

- a) Phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt;
- b) Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác;
- c) Xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước;
- d) Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước;
- đ) Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất;
- e) Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;
- g) Truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án xã hội hoá trong bảo vệ và phát triển nguồn nước phải đáp ứng điều kiện:

- a) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật, ngành nghề phù hợp;
- b) Tổ chức phải có tư cách pháp nhân và nhân lực phù hợp.

3. Chính sách xã hội hoá các hoạt động về bảo vệ và phát triển nguồn nước:

- a) Tổ chức tham gia thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn giảm thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
- b) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động xã hội hoá trong bảo vệ và phát triển nguồn nước được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các hoạt động đó;
- c) Trường hợp hoạt động xã hội hoá trong bảo vệ và phát triển nguồn nước cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn;
- d) Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án xã hội hoá được ưu tiên sử dụng kết quả của việc thực hiện xã hội hoá; ưu tiên trong việc vận hành các dự án xã hội hoá trong bảo vệ và phát triển nguồn nước;

đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện xã hội hóa được tham gia cung cấp các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật;

e) Các hoạt động xã hội hoá trong bảo vệ và phát triển nguồn nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định khác có liên quan.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hoá và bàn giao cho đơn vị sử dụng.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG VII

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 75. Nguyên tắc hợp tác quốc tế về tài nguyên nước

1. Tôn trọng độc lập, ***bình đẳng về*** chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích của các nước có chung nguồn nước.

2. Bảo đảm công bằng, hợp lý và phát triển bền vững trong khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia.

3. Không làm phương hại tới quyền và lợi ích của các nước có chung nguồn nước phù hợp với điều ước quốc tế, ***thỏa thuận quốc tế*** mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ***ký kết hoặc gia nhập***.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế, ***thỏa thuận quốc tế*** có liên quan.

Điều 76. Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam liên quan đến nguồn nước liên quốc gia theo quy định của Luật này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam, ***và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết trong điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, tham gia.***

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình về các nguồn nước liên quốc gia, kịp thời báo cáo, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý các vấn đề nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của Việt Nam.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tại vùng biên giới có nguồn nước liên quốc gia chảy qua khi phát hiện những vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng của nguồn nước trên địa bàn phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường ***trong phạm vi quản lý.***

Điều 77. Hợp tác quốc tế về tài nguyên nước

1. Nhà nước **khuyến khích việc chủ động** hợp tác với các nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế **về tài nguyên nước, tập trung cho các lĩnh vực** điều tra cơ bản, bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước, đào tạo **nguồn nhân lực**, nghiên cứu khoa học về tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

2. Nhà nước khuyến khích hợp tác trao đổi các thông tin **và dữ liệu** có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia; phối hợp nghiên cứu và lập quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia; phối hợp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra đối với nguồn nước liên quốc gia; tạo thuận lợi cho việc quản lý và thực hiện các dự án liên quan đến nguồn nước liên quốc gia.

3. Nhà nước chủ động tham gia các tổ chức quốc tế về tài nguyên nước và các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan nhằm thúc đẩy hợp tác, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững nguồn nước liên quốc gia.

Điều 78. Giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia

Khi giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia có liên quan đến các nước trong lưu vực sông, các vùng biển thuộc chủ quyền ngoài việc áp dụng những nguyên tắc quy định tại Điều 75 của Luật này, còn phải tuân theo những quy định sau đây:

1. Tranh chấp, bất đồng về chủ quyền trong việc điều tra cơ bản, bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra giữa các nước có chung nguồn nước trong đó có Việt Nam được giải quyết **thông qua biện pháp hòa bình**, phù hợp với **thông lệ**, điều ước quốc tế, **thỏa thuận quốc tế** mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.

2. Tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia xảy ra trong lưu vực sông có tổ chức lưu vực sông quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia được giải quyết trong khuôn khổ tổ chức lưu vực sông quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 79. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước, **đảm bảo an ninh nguồn nước**, quản lý lưu vực sông trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước; ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá về quy hoạch, điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, ***trám lấp giếng không sử dụng***;

b) Lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước; quy trình vận hành liên hồ chứa, danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước; kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

c) Khoanh định, công bố vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất; thông báo tình hình hạn hán, thiếu nước; ***công bố kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông liên tỉnh; xây dựng phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước để ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước; tổ chức thực hiện việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông liên tỉnh***;

d) Tổ chức thẩm định các dự án chuyển nước lưu vực sông, cho ý kiến về quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các hoạt động có liên quan đến khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước theo thẩm quyền;

đ) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; đào tạo nguồn nhân lực về tài nguyên nước;

e) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền;

g) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước; tổng hợp kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; tổ chức quan trắc cảnh báo, dự báo và thông báo về mưa, lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm, xâm nhập mặn và các hiện tượng bất thường về tài nguyên nước; ***xác định chức năng và phân vùng chức năng đối với nguồn nước liên tỉnh***;

h) ***Tổ chức*** xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước *Trung ương và việc khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước*; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước; công bố, xuất bản các tài liệu, thông tin về tài nguyên nước; ***tổ chức dự báo, cảnh báo nguồn nước và thông báo về tình hình hạn hán, thiếu nước trong phạm vi cả nước***;

i) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương án giải quyết những vấn đề liên quan đến nguồn nước liên quốc gia, việc tham gia tổ chức quốc tế, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về tài nguyên nước; chủ trì các hoạt động hợp tác quốc tế về tài nguyên nước;

k) Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và các tổ chức lưu vực sông;

1) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý các công trình, hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước nông thôn và bảo đảm về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý đảm bảo các quy định khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

4. Bộ Công Thương có trách nhiệm quản lý các công trình hồ chứa thủy điện, nhà máy nhiệt điện, các công trình khai thác, sử dụng nước cho công nghiệp và bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy điện thuộc phạm vi quản lý đảm bảo các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

5. Bộ Xây dựng có trách nhiệm quản lý, bảo đảm an toàn các công trình cấp, thoát nước đô thị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

6. Các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm **thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật này.**

Điều 80. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

b) Lập, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện **phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh**; kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

c) Khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; **xác định** và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền; khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; **xây dựng kế hoạch, phương án dự trữ, sử dụng nguồn nước trên địa bàn; xác định các khu vực khan hiếm nước, có nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt; khu vực khó khăn về nguồn nước cấp; khu vực đô thị thường xuyên xảy ra ngập úng do mưa, do triều cường và nước biển dâng;**

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm

quyền; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước;

đ) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước;

e) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

g) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn; ***xác định chức năng và phân vùng chức năng đối với nguồn nước nội tỉnh; tổ chức thực hiện điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong phạm vi địa phương;***

h) ***Tổ chức*** xây dựng, quản lý, ***khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của địa phương*** cơ sở dữ liệu; lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước;

i) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, ***công trình*** quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này;

b) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền;

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

đ) Tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, theo thẩm quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của

pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này;

b) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền;

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

đ) Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát việc sử dụng đất trong hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

e) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ theo uỷ quyền.

Điều 81. Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông

1. Các hoạt động sau đây trên lưu vực sông cần được điều phối, giám sát:

a) Điều hoà, phân phối tài nguyên nước, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông và ngưỡng khai thác nước dưới đất; điều hoà, phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước trên lưu vực sông;

b) Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước; ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phục hồi nguồn nước bị *suy thoái*, ô nhiễm, cạn kiệt, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông;

c) Hoạt động xây dựng, vận hành hồ chứa, đập dâng và các công trình điều tiết nước trên sông; dự án chuyển nước và các công trình khai thác, sử dụng nước quy mô lớn, quan trọng trên lưu vực sông;

d) Hoạt động xả nước thải có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng chất lượng nguồn nước lưu vực sông; khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước *và ứng phó, khắc phục, phục hồi sự cố ô nhiễm nguồn nước;*

đ) Các hoạt động sử dụng đất, khai thác khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng trên lưu vực sông;

e) Các hoạt động cải tạo, khôi phục các dòng sông bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt;

g) Các hoạt động cải tạo cảnh quan, phát triển các vùng đất ven sông, ven hồ.

2. Trách nhiệm điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông được quy định như sau:

a) Tổ chức lưu vực sông kiến nghị việc điều hòa, phân phối nguồn nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên một hoặc một số lưu vực sông liên tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc điều hòa, phân phối nguồn nước và điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất chỉ đạo việc phối hợp hoạt động của tổ chức lưu vực sông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên các lưu vực sông.

3. Chính phủ quy định cụ thể việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

Điều 82. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng nước

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, **cấp lại**, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và **đăng ký khai thác, sử dụng nước**.

2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và quy định cụ thể thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, **cấp lại**, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và **đăng ký khai thác, sử dụng nước**.

CHƯƠNG IX

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 83. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước

1. Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước.

2. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước tuân theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 84. Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước

1. Hòa giải tranh chấp về tài nguyên nước được thực hiện như sau:

a) Nhà nước khuyến khích các bên tự hòa giải các tranh chấp về tài nguyên

nước;

b) Nhà nước khuyến khích giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước giữa cá nhân, hộ gia đình với nhau thông qua hòa giải tại cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hoà giải các tranh chấp về tài nguyên nước trên địa bàn khi có đề nghị của các bên tranh chấp.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thuộc trường hợp không phải xin cấp giấy phép; trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp thì các bên tranh chấp có quyền khiếu nại đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Giải quyết tranh chấp phát sinh trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình; trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp thì các bên tranh chấp có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật;

b) Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với nhau;

c) Giải quyết tranh chấp đã có quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng các bên tranh chấp không đồng ý.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sau đây:

a) Giải quyết tranh chấp phát sinh trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình; trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật;

b) Giải quyết tranh chấp khác về tài nguyên nước giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5. Yêu cầu về bồi thường thiệt hại liên quan đến giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20...

Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 86. Điều khoản chuyển tiếp

Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, việc hành nghề khoan nước dưới đất, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện như sau:

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép theo quy định của Luật tài nguyên nước số **17/2012/QH13** thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép.

2. Tổ chức, cá nhân đang thực hiện khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật này đối với phần còn lại của thời hạn ghi trong giấy phép. ***Tổ chức, cá nhân đã được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành, tiếp tục thực hiện đối với phần còn lại của thời hạn ghi trong quyết định phê duyệt.***

Điều 87. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

1. Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Trường hợp Luật Tài nguyên nước không quy định thì áp dụng theo quy định của luật khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
<i>Điều 2. Đối tượng áp dụng</i>	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1
Điều 4. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.....	3
Điều 5. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước.....	4
Điều 6. Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước	5
Điều 7. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước.....	5
Điều 8. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước	6
Điều 9. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.....	7
<i>Điều 10. Dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước</i>	8
Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm	9
CHƯƠNG II	10
ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC	10
Mục 1. ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC	10
Điều 12. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước	10
Điều 13. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước	11
Điều 14. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước.....	12
Mục 2. CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	13
Điều 15. Chiến lược tài nguyên nước.....	13
Điều 16. Quy hoạch về tài nguyên nước.....	13
Điều 17. Nguyên tắc lập quy hoạch về tài nguyên nước	14
Điều 18. Căn cứ lập quy hoạch về tài nguyên nước	14
Điều 19. Quy hoạch tài nguyên nước	15
<i>Điều 20. Nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh</i>	15
Điều 21. Nhiệm vụ quy hoạch về tài nguyên nước.....	17
Điều 22. <i>Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh</i>	17
Điều 23. <i>Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh</i>	17
Điều 24. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch <i>tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh</i>	18
CHƯƠNG III	19

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC	19
<i>Điều 25. Chức năng nguồn nước</i>	19
Điều 26. Hành lang bảo vệ nguồn nước	19
Điều 27. Dòng chảy tối thiểu	20
Điều 28. Ngưỡng khai thác nước dưới đất	21
Điều 29. Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy	22
Điều 30. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt	22
Điều 31. Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác	23
Điều 32. Bảo vệ nước dưới đất	23
Điều 33. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy	24
<i>Điều 34. Bảo vệ nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa</i>	25
Điều 35. Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước	25
Điều 36. Phòng, chống ô nhiễm nước biển	26
Điều 37. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt	26
Điều 38. Hành nghề khoan nước dưới đất	27
Điều 39. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước	27
CHƯƠNG IV	28
ĐIỀU HOÀ, PHÂN PHỐI VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC	28
Mục 1. ĐIỀU HOÀ, PHÂN PHỐI TÀI NGUYÊN NƯỚC	28
Điều 40. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước	28
<i>Điều 41. Điều hoà, phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước</i>	28
Điều 42. Chuyển nước lưu vực sông	29
<i>Điều 43. Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa</i>	30
Điều 44. Bổ sung nhân tạo nước dưới đất	31
Điều 45. Gây mưa nhân tạo	32
Mục 2. KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC	32
<i>Điều 46. Quy định chung về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước</i>	32
Điều 47. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước	32
Điều 48. Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước	34
Điều 49. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt	35
Điều 50. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp	36
Điều 51. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện	37
Điều 52. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản	37
Điều 53. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản	37
Điều 54. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy	38

Điều 55. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác	38
Điều 56. Thăm dò, khai thác nước dưới đất	38
Điều 57. Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa, <i>đập dâng</i>	38
Điều 58. Giám sát <i>khai thác, sử dụng</i> tài nguyên nước	41
Mục 3. SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ	41
Điều 59. Biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.....	41
Điều 60. Hạn chế thất thoát nước trong các hệ thống cấp nước	42
Điều 61. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.....	42
Điều 62. Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.....	42
CHƯƠNG V	43
PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA	43
Điều 63. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	43
Điều 64. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra.....	43
Điều 65. Phòng, chống hạn hán, <i>thiếu nước</i> , lũ, lụt, ngập úng nhân tạo	43
Điều 66. Phòng, chống xâm nhập mặn.....	45
Điều 67. Phòng, chống sụt, lún đất.....	46
Điều 68. <i>Bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ</i>	46
CHƯƠNG VI.....	48
<i>CÔNG CỤ KINH TẾ VÀ NGUỒN LỰC CHO BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, TRỮ NƯỚC VÀ PHỤC HỒI NGUỒN NƯỚC</i>	48
Điều 69. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước.....	48
Điều 70. <i>Chính sách thuế, phí tài nguyên nước</i>	48
Điều 71. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	49
Điều 72. <i>Dịch vụ liên quan đến bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước</i> ...	49
Điều 73. <i>Nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, trữ nước và phục hồi nguồn nước</i>	50
Điều 74. <i>Xã hội hóa trong bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, trữ nước</i>	51
CHƯƠNG VII	52
<i>HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</i>	52
Điều 75. Nguyên tắc hợp tác quốc tế về tài nguyên nước	52
Điều 76. Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia	52
Điều 77. Hợp tác quốc tế về tài nguyên nước.....	53
Điều 78. Giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia	53
CHƯƠNG VIII.....	53
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC	53
Điều 79. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ	53

Điều 80. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp	55
Điều 81. Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông	57
Điều 82. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và <i>đăng ký khai thác, sử dụng nước</i>	58
CHƯƠNG IX.....	58
THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	58
Điều 83. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước.....	58
Điều 84. Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước	58
CHƯƠNG X.....	59
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	59
<i>Điều 85. Hiệu lực thi hành</i>	59
Điều 86. Điều khoản chuyển tiếp	60
Điều 87. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.....	60